



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/Attachment with decision: /QĐ-VPCNCL
ngày tháng 04 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng quản lý chất lượng**

Laboratory: **Quality Management Department**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long**

Organization: **Ha Long Cement Company Limited**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Vật liệu xây dựng**

Field of testing: **Civil - Engineering**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Hoàng Văn Đồng**

Số hiệu/ Code: **VILAS 379**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **Kể từ ngày /04/2025 đến ngày 18/05/2030**

Địa chỉ/ **Lô C25, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh**

Address: **Lot 25, Hiep Phuoc industrial park, Hiep Phuoc commune, Nha Be district, Ho Chi Minh city**

Địa điểm/ **Lô C25, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh**

Location: **Lot 25, Hiep Phuoc industrial park, Hiep Phuoc commune, Nha Be district, Ho Chi Minh city**

Điện thoại/ Tel: **(+84) (028) 37 818 494**

Fax: **(+84) (028) 37 818 360**

E-mail: **info@vicemhalong.vn**

Website: **Vicemhalong.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 379**Lĩnh vực thử nghiệm: **Vật liệu xây dựng**Field of testing: **Civil - Engineering**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Xi măng và clinker xi măng poóc lăng Cement and portland cement clinker	Xác định cường độ nén <i>Determination of compressive strength</i>	(3 ~ 75) MPa	TCVN 6016:2011
2.		Xác định độ dẻo tiêu chuẩn <i>Determination of normal consistency</i>	(20 ~ 33) %	TCVN 6017:2015
3.		Xác định thời gian đông kết <i>Determination of setting time</i>	(20 ~ 420) phút/ <i>minutes</i>	
4.		Xác định độ ổn định thể tích. Phương pháp Le Chatelier <i>Determination of Soundness. Le Chatelier method</i>	(0,1 ~ 10) mm	
5.		Xác định độ mịn: <i>Determination of fineness:</i>		
		- Phương pháp sàng - <i>Sieve method</i>	(0,01 ~ 60) %	
		- Bề mặt riêng, phương pháp Blaine - <i>Specific surface, Blaine method</i>	(2000 ~ 5500) cm ² /g	
6.		Xác định khối lượng riêng <i>Determination of mass density</i>	(2,5 ~ 3,5) g/cm ³	TCVN 141:2023
7.		Xác định hàm lượng Anhydric Sunphuric (SO ₃). Phương pháp khối lượng <i>Determination of SO₃ content Gravimetric method</i>	(0,1 ~ 60) %	
8.		Xác định hàm lượng mất khi nung (MKN) <i>Determination of loss on ignition</i>	(0,1 ~ 45) %	

Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam national standards*;
- Trường hợp Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Ha Long Cement Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

